

Bản án số: 186/2017/HS-ST
Ngày 09-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.
2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 195/2017/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2017/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1984 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Ấp Kinh X, xã H, huyện K, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: 13/1 khu phố Đ, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1964; bị cáo có 01 người em ruột, sinh năm 1987; có vợ tên Nguyễn Thị Trúc V, sinh năm 1986 và 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 11/01/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 20/01/2017, bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1966 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: 158 ấp 1, xã Đ, thị xã B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: 312/4 đường C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Ngọc T (chết) và bà Hồ Thị M, sinh năm 1943; bị cáo có 08 anh chị em ruột, lớn sinh năm 1964, nhỏ sinh năm 1985; có vợ tên Nguyễn Thị Anh P, sinh năm 1965 và có 01 người con sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 11/01/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 14/01/2017, bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Nguyễn Văn N, sinh năm 1976 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện P, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: 194/9 đường C, tổ 9, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951 và bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1953; bị cáo có 04 anh chị em ruột, lớn sinh năm 1976, nhỏ sinh năm 1982; có vợ tên Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 và có 02 người con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại, có mặt.

4. Đinh Bảo T, sinh năm 1993 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: 192/5A khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đinh Văn T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958; bị cáo có 07 anh em ruột, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1999; có vợ tên Lê Thị L, sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 11/01/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 20/01/2017, bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Văn N, Đinh Bảo T đều là công nhân của Công ty S thuộc khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Nguyễn Hoàng S đã sử dụng điện thoại di động hiệu Nokia 1280, số sim 0968.667.300 để bán số đề, nhận phôi đề và trực tiếp thắng thua với các con bạc. Nguyễn Ngọc Đ sử dụng điện thoại Nokia 520, số sim 0964.706.876; Nguyễn Văn N sử dụng điện thoại Nokia E72, số sim 0962.394.283 bán số đề cho các con bạc rồi nhắn tin chuyển giao cho S trước 16 giờ hàng ngày để hưởng lợi 10% trên tổng số tiền bán được số đề đã giao cho S.

Vào khoảng 15 giờ ngày 01/01/2017 Đinh Bảo T sử dụng điện thoại di động nhắn tin vào điện thoại của Nguyễn Văn N để mua số đề với nội dung: Đầu số 16 số tiền 300.000 đồng, đuôi số 16 số tiền 50.000 đồng, bao lô 16 số tiền 100.000 đồng, 2 đài Bến Tre và Vũng Tàu, tổng số tiền mua số đề là 4.300.000 đồng. Sau khi nhận được tin nhắn của T, N nhắn lại “ok” để xác nhận tin nhắn của T. N nhắn chuyển giao toàn bộ tin đã nhận được của T cho Đ. Khi nhận được tin nhắn, Đ tiếp tục chuyển tin nhắn đó qua điện thoại cho S để S trực tiếp thắng thua với T. Tỷ lệ thắng thua 1 ăn 70 lần, căn cứ vào kết quả xổ số của đài Miền Nam lúc 16 giờ trong ngày. Kết quả T trúng bao lô số 16 cả hai đài, mỗi đài 7.000.000 đồng, tổng cộng 14.000.000 đồng. Số tiền mua và tiền trúng T với S chưa trả cho nhau. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng mua bán số đề là 18.300.000 đồng. Khi biết T trúng đề, đến 18 giờ ngày 01/01/2017 N đã đến cơ quan Công an đầu thú, riêng các bị cáo khác bị bắt khẩn cấp để xác minh làm rõ.

Ngoài ra các bị cáo còn khai nhận: Quá trình mua bán số đề từ tháng 12/2016, bị cáo S thu lợi được 5.000.000 đồng, bị cáo Đ thu lợi được 2.000.000 đồng, bị cáo N thu lợi được 1.000.000 đồng nhưng không có cơ sở chứng minh nên không truy thu.

Vật chứng: 04 điện thoại di động của các bị cáo kèm theo sim điện thoại, riêng sim số 0968.677.300 của bị cáo S không thu hồi được.

Bản Cáo trạng số:199/QĐ-KSĐT ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Văn N, Đinh Bảo T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p Khoản 1 điều 46; điều 53 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo S từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; xử phạt bị cáo Đ, T và N mỗi bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 04 điện thoại di động và tịch thu tiêu hủy 03 sim số 0962.394.283, 0972.840.200, 0964.706.876 liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo; đề nghị buộc bị cáo S nộp lại số tiền 14.000.000 đồng, bị cáo T nộp lại 4.300.000 đồng tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc để sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc tạm giữ các bị cáo sau đó thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú là đúng quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Vào khoảng 15 giờ ngày 01/01/2017 tại Công ty S thuộc khu phố B, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương các bị cáo Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Văn N và Đinh Bảo T đã thực hiện hành vi mua bán số đề bằng hình thức gửi tin nhắn trên điện thoại di động. Toàn bộ tin nhắn bị cáo N nhận từ bị cáo T đã được chuyển qua cho bị cáo Đ gửi cho bị cáo S để hưởng hoa hồng 10% trên tổng số tiền đề ghi được; còn bị cáo S trực tiếp thắng thua với bị cáo T. Số tiền bị cáo T sử dụng mua số đề là 4.300.000 đồng gồm đầu số 16 số tiền 300.000 đồng, đuôi số 16 số tiền 50.000 đồng, bao lô 16 số tiền 100.000 đồng, 2 đài Bến Tre và Vũng Tàu, tỷ lệ thắng thua 1 ăn 70 lần. Kết quả bị cáo T đã trúng số 16 bao lô cả hai đài. Tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc là 18.300.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đánh bạc dưới hình thức ghi số đề thắng thua bằng tiền đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 điều 248 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng số: 199/QĐ-KSĐT ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Về ý thức chủ quan, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề nhằm tước đoạt tiền của nhau là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì tham lam tư lợi các bị cáo đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Hoàng S là người chủ mưu, trực tiếp thắng thua với các con bạc, bị cáo Đ và N với vai trò giúp sức cho bị cáo S và chia hoa hồng; bị cáo Đinh Bảo T tham gia mua số đề để ăn thua bằng tiền với bị cáo S. Vì vậy vai trò của bị cáo S là cao hơn bị cáo T và bị cáo T cao hơn bị cáo Đ và N.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N sau khi phạm tội đã ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt thể hiện có việc làm ổn định, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

[8] Xét các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương; xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục và cũng không làm ảnh hưởng đến tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Đối với bị cáo N phạm tội với vai trò giúp sức, sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức phạt tiền thấp hơn các bị cáo khác. Xét mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng”. Tuy nhiên Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 04 điện thoại di động thu giữ được gồm: 01 điện thoại hiệu Nokia 1280 của bị cáo S, 01 điện thoại hiệu Nokia E72 của bị cáo N, 01 điện thoại hiệu Oppo của bị cáo T, 01 điện thoại hiệu Nokia 520 màu đen của bị cáo Đ), các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội và số tiền 18.300.000 đồng bị cáo S và T sử dụng vào việc đánh bạc buộc hai bị cáo này phải nộp lại. Căn cứ vào điểm a và b

khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a và c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với 03 sim điện thoại: Số 0962.394.283, 0972.840.200, 0964.706.876 của bị cáo Đ, N và T liên quan đến việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy. Riêng sim điện thoại số 0968.677.300 của bị cáo S không thu hồi được nên không đặt ra xử lý.

[11] Đối với Công ty S là nơi các bị cáo làm việc, Công ty không biết các bị cáo đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An không xử lý là phù hợp.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 1, 2 điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a, khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Văn N, Đinh Bảo T phạm Tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 8.000.000đ (tám triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Đinh Bảo T 9.000.000đ (chín triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 7.000.000đ (bảy triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng S nộp lại 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

+ Buộc bị cáo Đinh Bảo T nộp lại 4.300.000đ (bốn triệu ba trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 04 điện thoại di động: 01 điện thoại hiệu Nokia E72, 01 điện thoại hiệu Oppo, 01 điện thoại hiệu Nokia 520, 01 điện thoại hiệu Nokia 1280 màu đen.

+ Tịch thu tiêu hủy 03 sim điện thoại: Số 0962.394.283, 0972.840.200, 0964.706.876.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Văn N, Đinh Bảo T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An ();
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngà

